BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 33/2022/TT-BGTVT	*Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2022*

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2019/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trách nhiệm của chủ phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện, đảm nhiệm chức danh thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu trên phương tiện thủy nội địa

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2019/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trách nhiệm của chủ phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện, đảm nhiệm chức danh thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu trên phương tiện thủy nội địa.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2019/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trách nhiệm của chủ phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện, đảm nhiệm chức danh thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu trên phương tiện thủy nội địa

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4 như sau:

"2. Lập sổ danh bạ thuyền viên theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này, lập sổ nhật ký hành trình và sổ nhật ký máy đối với phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần từ 250 tấn trở lên hoặc phương tiện chở khách có sức chở từ 50 (năm mươi) khách trở lên theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này."

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, khoản 4, khoản 6, khoản 11, khoản 12 Điều 6 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Quản lý, bảo đảm an toàn về người, phương tiện và tài sản trên phương tiện; nắm vững tình trạng kỹ thuật, thời hạn hoạt động và chu kỳ sửa chữa của phương tiện. Đối với thuyền trưởng phương tiện mang cấp VR-SB, phải lập phương án tập luyện về cứu sinh, cứu hỏa, cứu thủng và tổ chức huấn luyện, hướng dẫn việc sử dụng thiết bị cứu sinh, cứu hỏa, cứu thủng cho thuyền viên mới ngay khi xuống phương tiện; mỗi quý, tổ chức tập luyện về cứu sinh, cứu hỏa, cứu thủng phương tiện ít nhất một lần cho thuyền viên."

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Quản lý sổ nhật ký hành trình, danh bạ thuyền viên, danh sách hành khách (nếu có) và sổ sách, giấy tờ cần thiết khác của phương tiện, tổ chức việc ghi chép và thường xuyên kiểm tra việc ghi chép sổ sách. Hàng ngày phải ký xác nhận nội dung nhật ký hành trình theo quy định."

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Tổ chức phân công, giám sát, đôn đốc thuyền viên hoàn thành nhiệm vụ. Trường hợp phương tiện có nhiều hơn một thuyền phó, trách nhiệm của từng thuyền phó do thuyền trưởng phân công cụ thể."

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

"6. Trong trường hợp phương tiện có nguy cơ bị chìm đắm hoặc bị phá huỷ thuyền trưởng phải tận dụng mọi khả năng cho phép để trước hết tổ chức cứu hành khách và sau đó cứu thuyền viên. Thuyền trưởng phải là người cuối cùng rời phương tiện sau khi đã tìm mọi cách cứu sổ nhật ký hành trình, nhật ký máy và các tài liệu quan trọng khác của phương tiện.

Khi phương tiện có người rơi xuống nước, phải kịp thời áp dụng các biện pháp có hiệu quả để tìm, cứu người bị nạn, đồng thời thông báo cho cơ quan tìm kiếm,

cứu nạn hoặc chính quyền địa phương nơi xảy ra tai nạn. Nếu phương tiện hoạt động trên biển, phải thông báo cho Trung tâm phối hợp Tìm kiếm cứu nạn hàng hải hoặc Đài Thông tin duyên hải hoặc Cảng vụ hàng hải nơi gần nhất, thông báo cho phương tiện, tàu thuyền khác đang hành trình gần khu vực đó tìm kiếm, cứu nạn; chỉ được phép cho phương tiện rời khỏi khu vực có người rơi xuống nước sau khi đã cố gắng tìm kiếm nhưng xét thấy không còn hy vọng, trừ trường hợp gây nguy hiểm cho phương tiện và những người khác trên phương tiện. Thời gian và các biện pháp đã tiến hành tìm cứu phải được ghi vào nhật ký hành trình."

đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 11 như sau:

"11. Tổ chức phân công, thực hiện kê khai các nội dung theo yêu cầu và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền khi phương tiện chuẩn bị cập, rời cảng, bến. Trước khi khởi hành, phải có bảng phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng chức danh trên phương tiện. Trước giờ rời cảng, bến phải kiểm tra, đôn đốc các bộ phận thuyền viên có liên quan chuẩn bị đầy đủ nguyên, nhiên, vật liệu, lương thực, thực phẩm, thuốc men phục vụ chuyến đi; chỉ rời cảng, bến khi phương tiện bảo đảm an toàn, chuẩn bị đầy đủ cho chuyến đi và được phép của cơ quan có thẩm quyền. Thường xuyên theo dõi tình hình, diễn biến thời tiết trong khu vực mà phương tiện sẽ đi qua."

e) Sửa đổi, bổ sung khoản 12 như sau:

"12. Trực tiếp phụ trách một ca làm việc, trực tiếp điều khiển phương tiện qua những khu vực nguy hiểm; ngoài giờ đi ca, nếu thuyền phó hoặc máy trưởng đề nghị hoặc khi xảy ra sự cố, tình huống khẩn cấp, sự việc bất thường, thuyền trưởng phải có mặt ở vị trí chỉ huy để kịp thời giải quyết công việc."

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 7 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Trực tiếp phụ trách các công việc thuộc bộ phận boong. Trực tiếp phụ trách và tổ chức bảo quản, bảo dưỡng các phương tiện, thiết bị cứu sinh, cứu hỏa, cứu thủng. Thường xuyên tổ chức kiểm tra, đảm bảo các trang thiết bị luôn ở trạng thái kỹ thuật tốt, sẵn sàng hoạt động, khi phát hiện có sự cố phải lập tức báo cáo thuyền trưởng."

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Lập kế hoạch chuyến đi, thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn, giám sát thuyền viên thực hiện đúng kế hoạch chuyến đi và nhiệm vụ trực ca, phương tiện mang cấp VR-SB khi hoạt động trên tuyến vận tải ven biển phải chuẩn bị đầy đủ hải đồ được cập nhật mới nhất theo quy định, phân công trực ca trình thuyền trưởng duyệt."

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 6 Điều 9 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Quản lý, nắm vững tình trạng kỹ thuật hệ thống động lực; tổ chức phân công, giám sát thuyền viên bộ phận máy trong quá trình vận hành. Trường hợp phương tiện có nhiều hơn một máy phó, trách nhiệm của từng máy phó do máy trưởng phân công cụ thể."

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

"6. Quản lý các hồ sơ, tài liệu kỹ thuật thuộc bộ phận máy và tổ chức ghi chép sổ nhật ký máy. Hàng ngày kiểm tra việc ghi chép và ký xác nhận nhật ký máy."

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 20 như sau:

"3. Cơ quan đóng dấu treo và dấu giáp lai các trang sổ nhật ký hành trình và sổ nhật ký máy: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Sở Giao thông vận tải, Cảng vụ hàng hải hoặc đại diện Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ đường thủy nội địa hoặc đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa."

6. Thay thế Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 39/2019/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trách nhiệm của chủ phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện, đảm nhiệm chức danh thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu trên phương tiện thủy nội địa bằng Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

7. Bãi bỏ khoản 8 Điều 4 và khoản 1, khoản 2 Điều 20 Thông tư số 39/2019/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trách nhiệm của chủ phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện, đảm nhiệm chức danh thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu trên phương tiện thủy nội địa.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2023.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Xuân Sang

Phụ lục I

MẪU SỔ NHẬT KÝ HÀNH TRÌNH VÀ SỔ NHẬT KÝ MÁY

(Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2022/TT-BGTVT ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

1. Mẫu Sổ nhật ký hành trình

a) Mặt ngoài của trang bìa trước

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHẬT KÝ

HÀNH TRÌNH

Năm.....

b) Mặt trong của trang bìa trước

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

1. Nhật ký hành trình luôn được lưu giữ tại buồng điều khiển.

2. Thuyền trưởng hoặc thuyền phó đi ca có trách nhiệm tổ chức ghi chép đầy đủ, chính xác và rõ ràng các thông số vào các cột, mục quy định trong nhật ký và phải ghi bằng bút mực màu đen hoặc xanh, không được sửa chữa, tẩy xóa, nếu có nhầm lẫn thì gạch bỏ số liệu cũ, ghi số liệu mới và ký tên vào bên cạnh. Hàng ngày thuyền trưởng phải ký xác nhận nội dung nhật ký hành trình.

3. Khi phương tiện đang được khai thác hoặc bảo dưỡng, các số liệu sau đây phải được ghi vào nhật ký:

a) Thời gian đến, đi và mọi chi tiết liên quan đến hành trình của phương tiện;

b) Tình trạng hoạt động của phương tiện, đặc biệt là các thiết bị liên quan đến tốc độ kế, máy đo sâu, la bàn từ, ra đa, máy định vị vệ tinh;

c) Các hư hỏng, sự cố xảy ra trong ca trực, trong quá trình vận hành, khai thác cũng như trong các trường hợp bị tai nạn như đâm va, mắc cạn hay các sự cố khác. Thời gian diễn biến các vụ việc, các biện pháp khắc phục và xử lý;

d) Các công việc về bảo quản, bảo dưỡng và sửa chữa máy móc, thiết bị;

đ) Khi thay ca, việc bàn giao giữa hai ca phải được ghi trong sổ nhật ký hành trình.

4. Khi cập cảng hay neo đậu, phải ghi rõ tên cảng, lý do neo đậu, việc phân công, bố trí công việc, thời gian và các chi tiết liên quan đến điều động phương tiện.

5. Tùy điều kiện trang thiết bị của phương tiện, các thông số từ 01 đến 22 được ghi theo thực tế của phương tiện. Thông số 23 bắt buộc phải ghi chép đầy đủ.

6. Thuyền trưởng có trách nhiệm quản lý nhật ký trong thời gian sử dụng. Nhật ký phải được lưu trữ ít nhất 02 năm sau khi sử dụng xong, sau đó phải được giao nộp cho chủ phương tiện lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

7. Nhật ký hành trình khi bị mất, hư hỏng phải được báo ngay cho Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải hoặc đại diện Cảng vụ hàng hải hoặc Cảng vụ đường thủy nội địa nơi gần nhất.

8. Nhật ký hành trình có kích thước 297mm x 210mm, gồm 200 trang, được đánh số thứ tự từ 1 đến 200.

c) Trang 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHẬT KÝ
HÀNH TRÌNH

Tên phương tiện:.....

Số đăng ký:.....

Chủ phương tiện:.....

Người quản lý/khai thác:.....

Bắt đầu sử dụng từ ngày:..... đến ngày.....

Ngày..... tháng..... năm.....
Chủ phương tiện
(Nếu là tổ chức: ký tên, đóng dấu)
(Nếu là cá nhân: ký, ghi rõ họ và tên)

d) Trang 2 đến 200

Ngày..... tháng..... năm..... Vùng biển (hệ thống sông, kênh).....

Giờ	Thủy triều	Hướng đi			Sai số		Tốc độ kế	Số V/ph (R.P.M)	Gió		Thời tiết	Khí áp kế	Biển	Tầm nhìn xa	Nhiệt độ K.K
		Thật	LBCQ	LB lái	LBCQ	LB từ			Hướng	Sức					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1															
2															
3															
4															
5															
6															
7															
8															
9															
10															
11															
12															
13															
14															
15															
16															
17															
18															
19															
20															
21															
22															
23															
24															

17	18	19	20	21		22	
Nước hầm hàng	Nước két	Đèn hành trình	Ca trực	Khoảng cách đi được		Ca trực thủy thủ	
				Dự tính	*Theo TĐK*	*Ca lái*	*Cảnh giới*
N°1.....	*N°1.....*	Từ					
N°2.....	*N°2.....*		00÷04				
N°3.....	*N°3.....*	Đến	04÷08				
N°4.....	*N°4.....*		08÷12				
N°5.....	*N°5.....*		12÷16				
N°6.....	*N°6.....*	***Chỉnh giờ phương tiện Giờ..... phút.....***	16÷20				
Buồng máy...	*N°7.....*		20÷24				
	N°8.....						
	N°9.....						
	N°10.....						
	Mũi.....						
	Đáy.....						
	Lái.....						

Ghi chú:

- LBCQ: La bàn con quay;
- LB: La bàn;
- V/ph: Vòng trên phút;
- K.K: Không khí;
- TĐK: Tốc độ kế.

Chuyến đi:..... Từ cảng:..... Đến cảng:.....

23		
Ca trực	Ghi chú	Thuyền trưởng/ thuyền phó trực ca
00		
04		
08		
12		
16		
20		

24	Thuyền trưởng

2. Mẫu Sổ nhật ký máy

a) Mặt ngoài của trang bìa trước

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHẬT KÝ MÁY

Năm.....

b) Mặt trong của trang bìa trước

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

1. Nhật ký máy luôn được lưu giữ tại buồng máy.

2. Máy trưởng hoặc máy phó đi ca có trách nhiệm ghi chép đầy đủ, chính xác và rõ ràng các thông số vào các cột, mục quy định trong nhật ký và phải ghi bằng bút mực màu đen hoặc xanh, không được sửa chữa, tẩy xóa, nếu có sự nhầm lẫn thì gạch bỏ số liệu cũ, ghi số liệu mới và ký tên vào bên cạnh. Hàng ngày máy trưởng phải ký xác nhận nội dung nhật ký máy.

3. Khi phương tiện đang được khai thác hoặc bảo dưỡng, các số liệu sau đây phải được ghi vào nhật ký:

a) Thời gian đến, đi và mọi chi tiết liên quan đến hoạt động của máy chính;

b) Tình trạng hoạt động của các máy phụ, đặc biệt là các thiết bị liên quan đến sự chuyển dịch phương tiện, bơm chuyển két, trạng thái các két nước dằn phương tiện, các két dầu đốt, dầu nhờn, các két nước ngọt và nước la canh;

c) Các hư hỏng, sự cố xảy ra trong ca trực trong quá trình vận hành, khai thác các hệ thống động lực cũng như trong các trường hợp bị tai nạn như đâm va, mắc cạn hay các sự cố khác. Thời gian diễn biến các vụ việc, các biện pháp khắc phục và xử lý;

d) Các công việc về bảo quản, bảo dưỡng và sửa chữa máy móc, thiết bị;

đ) Khi thay ca, việc bàn giao giữa hai ca phải được ghi trong sổ nhật ký máy.

4. Khi cập cảng hay neo đậu, phải ghi rõ tên cảng, lý do neo đậu, việc phân công, bố trí công việc, thời gian và các chi tiết liên quan đến điều động máy chính và các máy phụ.

5. Tùy điều kiện trang thiết bị của phương tiện, các thông số được ghi theo thực tế của phương tiện.

6. Máy trưởng có trách nhiệm quản lý nhật ký trong thời gian sử dụng. Nhật ký phải được lưu trữ ít nhất 02 năm sau khi sử dụng xong, sau đó phải được giao nộp cho chủ phương tiện lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

7. Nhật ký máy khi bị mất, hư hỏng phải được báo ngay cho Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải hoặc đại diện các Cảng vụ hàng hải hoặc Cảng vụ đường thủy nội địa nơi gần nhất.

8. Nhật ký máy có kích thước 297mm x 420mm, gồm 200 trang, được đánh số thứ tự từ 1 đến 200.

c) Trang 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHẬT KÝ MÁY

Tên phương tiện:.....

Ký hiệu máy chính:..... Công suất:.....

Cảng đăng ký:..... Số đăng ký:.....

Chủ phương tiện:..... Người quản lý/khai thác:.....

Bắt đầu sử dụng từ ngày:..... đến ngày:.....

Ngày..... tháng..... năm.....
Chủ phương tiện
(Nếu là tổ chức: ký tên, đóng dấu)
(Nếu là cá nhân: ký, ghi rõ họ và tên)

d) Trang 2 đến 200

Ngày..... tháng..... năm 20..... Vùng biển (hệ thống sông, kênh):..... Chuyến đi:.....

GIỜ ĐI CA	Vị trí tay ga	VÒNG QUAY		TỐC ĐỘ PHƯƠNG TIỆN	ÁP SUẤT, KG/CM2						ẮC QUY		NHIỆT ĐỘ, ^{0}C																				
		MÁY CHÍNH	CHÂN VỊT		Gió khởi động	Dầu nhờn sau P.L	Dầu nhờn tr.bơm c/c	Nước ngoài	Nước trong	Làm mát Vòi phun	Dòng điện (A)	Điện áp (V)	Nước ngoài	Dầu nhờn		NƯỚC LÀM MÁT								Làm mát vòi phun	Hâm dầu		KHÍ THOÁT						
														Trước sinh hàn	Sau sinh hàn	Vào máy	Ra máy	Ra XL.1	XL.2	XL.3	XL.4	XL.5	XL.6		Dầu đốt	Dầu nhờn	Ra XL.1	XL.2	XL.3	XL.4	XL.5	XL.6	Trung bình
																		Ra XL.7	XL.8	XL.9	XL.10	XL.11	XL.12				Ra XL.7	XL.8	XL.9	XL.10	XL.11	XL.12	
1																																	
2																																	
3																																	
4																																	
5																																	
6																																	
7																																	
8																																	
9																																	
10																																	
11																																	
12																																	
13																																	
14																																	
15																																	
16																																	
17																																	
18																																	
19																																	
20																																	
21																																	
22																																	
23																																	
24																																	

THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC MÁY PHỤ

Tên thiết bị			SỐ GIỜ HOẠT ĐỘNG TRONG CA						Trong ngày	Từ s/c trước	Tên thiết bị		SỐ GIỜ HOẠT ĐỘNG TRONG CA						Trong ngày	Từ s/c trước	Tên thiết bị		SỐ GIỜ HOẠT ĐỘNG TRONG CA						Trong ngày	Từ s/c trước
			00÷04	04÷08	08÷12	12÷16	16÷20	20÷24					00÷04	04÷08	08÷12	12÷16	16÷20	20÷24					00÷04	04÷08	08÷12	12÷16	16÷20	20÷24		
MPĐ Diesel											Bơm chuyển dầu đốt	*Nº 1*									Bơm cứu hỏa	*Nº 1*								
MPĐ Diesel											Bơm chuyển dầu đốt	*Nº 2*									Bơm cứu hỏa	*Nº 2*								
MPĐ Diesel											Máy lọc ly tâm dầu đốt	*Nº 1*									Bơm la canh	*Nº 1*								
BƠM LÀM MÁT	Nước trong ngoài	MÁY CHÍNH									Máy lọc ly tâm dầu đốt	*Nº 2*									Bơm la canh	*Nº 2*								
		MÁY CHÍNH									Máy lọc ly tâm dầu nhờn	*Nº 1*									Bơm ba lát	*Nº 1*								
		MÁY CHÍNH									Máy lọc ly tâm dầu nhờn	*Nº 2*									Bơm ba lát	*Nº 2*								
		MÁY CHÍNH									Máy nén khí	*Nº 1*									Bơm la canh - ba lát									
BƠM DẦU NHỜN		*Nº 1*									Máy nén khí	*Nº 2*																		
		Nº 2									Máy nén khí sự cố																			

Ghi chú:

- P.L: Phin lọc;
- MPĐ: Máy phát điện;
- tr.bơm c/c: trước bơm chuyển;
- s/c: Sửa chữa.
- XL: Xi lanh;

Từ cảng:..... Đến cảng:..... Neo đậu tại:..... Mớn nước: Mũi:..... Lái:.....

TUA BIN TĂNG ÁP																PHỤ TẢI M.P.Đ (Kw)			GHI CHÚ	Máy trưởng/máy phó trực ca
VÒNG QUAY X 1000		ÁP SUẤT KG/CM^2				NHIỆT ĐỘ, ^{0}C														
		Dầu nhờn		Gió tăng áp		Dầu nhờn		KHÍ THOÁT				Gió tăng áp		Nước làm mát T.B						
								Trước Tuabin		Sau Tuabin										
TUABIN SỐ 1	TUABIN SỐ 2	TUABIN SỐ 1	TUABIN SỐ 2	TUABIN SỐ 1	TUABIN SỐ 2	TUABIN SỐ 1	TUABIN SỐ 2	Số 1	Số 2	Số 1	Số 2	TUABIN SỐ 1	TUABIN SỐ 2			Số 1	Số 2	Số 3		
																			00	
																			04	
																			08	
																			12	
																			16	
																			20	

CÁC KÉT NHIÊN LIỆU - DẦU NHỜN								
KÉT NHIÊN LIỆU	TRÁI	PHẢI	GHI CHÚ	KÉT DẦU NHỜN		TRÁI	PHẢI	GHI CHÚ
KIỂM TRA ÁP SUẤT NÉN VÀ CHÁY								XL.1
TRỊ SỐ: Pc/Pz (kg/cm^2)								

TÍNH TOÁN NHIÊN LIỆU - DẦU NHỜN											
TÌNH HÌNH NHIÊN LIỆU		NHIÊN LIỆU		DẦU NHỜN							
		D.O	F.O								
Nhận từ hôm trước											
Nhận thêm											
Tiêu thụ trong ngày	Máy chính										
	M.P.Đ Diesel										
Còn lại trong ngày											
XL.2	XL.3	XL.4	XL.5	XL.6	XL.7	XL.8	XL.9	XL.10	XL.11	XL.12	

	Máy trưởng

Ghi chú:

- TB: Tua bin.